TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ CÁT
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04.6.2019
V/v:"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ CÁT, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Đặng Hữu Lộc.

+ Ông Phan Thanh Long.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thiện – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 6 năm2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2019/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp: *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:15/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày14 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trương Thị Mỹ **A**, SN: 1995
  Trú tại: Thôn L, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định

- *Bịđơn*: Anh Nguyễn **B**, SN: 1992
  Trú tại: Thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định
(Chị A có mặt tại phiên tòa, anh B vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn chị A trình bày:*

Chị với anh B tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện P vào ngày 04/3/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không chăm lo cho gia đình, lấy vàng cưới của hai vợ chồng đi tiêu xài. Chị gửi đơn yêu cầu ly hôn đến Tòa án nhân dân huyện Phù Cát để yêu cầu ly hôn anh B và được Tòa án thụ lý nhưng quá trình Tòa án làm việc thì anh B hứa sẽ sửa chữa bản thân để vợ chồng đoàn tụ nên chị đã rút yêu cầu khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Phù Cát ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án tại Quyết định đình chỉ số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2017, nhưng từ đó cho đến nay anh B vẫn không thay đổi bản thân mà ăn chơi lêu lỏng, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, anh B đi chơi bài bạc dẫn đến việc có một số thanh niên lạ đe dọa đến mẹ con chị. Vào tháng 11/2018 chị đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của chị ở thôn L, xã N, huyện P sinh sống, vợ chồng chị không sống chung với nhau từ đó cho đến nay.

Nay chị nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Giữa chị với anh B có 01 người con chung tên là C, sinh ngày: 03/10/2014. Hiện tại sức khỏe cháu C phát triển bình thường và đang ở với chị. Khi ly hôn chị xin nhận nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Đối với bị đơn anh B mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.*

**Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:*

- *Chứng cứ nguyên đơn cung cấp*: Bản gốc giấy chứng nhận kết hôn, bản sao giấy khai sinh cháu C, bản sao giấy chứng minh nhân dân chị A, bản sao sổ hộ khẩu, bản photo giấy chứng minh nhân dân anh B.

- *Bị đơn giao nộp cho tòa*: Bị đơn vắng mặt nên không có chứng cứ giao nộp cho Tòa án.

- *Chứng cứ Tòa án thu thập*: Biên bản ghi lời khai chị A, biên bản xác minh tại Hội phụ nữ xã N, biên bản xác minh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Chị A khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B. Đây là tranh chấp về Hôn nhân – Gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phù Cát quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên yêu cầu khởi kiện của chị A được Tòa án chấp nhận.

[1.2]. Bị đơn anh B đăng ký nhân khẩu thường trú và cư trú tại thôn M, xã N, huyện P, tỉnh Bình Định. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tống đạt hợp lệ đến lần thứ 2 quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham dự phiên tòa nhưng trong các giai đoạn tố tụng này anh B đều vắng mặt không lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án được và căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt bị đơn anh B.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Chị A với anh B tự nguyện đi đến hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 04/3/2014 tại UBND xã N, huyện P nên quan hệ hôn nhân giữa chị A với anh B được pháp luật thừa nhận là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2.2]. Theo nguyên đơn chị A trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B không chăm lo cho gia đình, tiêu phá tài sản của vợ chồng. Vào năm 2017 chị có gửi đơn đến Tòa án nhân dân huyện Phù Cát để yêu cầu ly hôn anh B và được Tòa án thụ lý nhưng sau đó anh B hứa sẽ sửa chữa bản thân nên chị đã rút yêu cầu khởi kiện và được Tòa án nhân dân huyện Phù Cát ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, nhưng từ đó cho đến nay anh B vẫn không thay đổi bản thân mà ăn chơi lêu lỏng, không chăm lo cho gia đình, không quan tâm đến vợ con, anh B đi chơi bài bạc dẫn đến việc có một số thanh niên lạ đe dọa đến mẹ con chị. Vào tháng 11/2018 chị đã bỏ đi về nhà cha mẹ ruột của chị ở thôn L, xã N, huyện P sinh sống, vợ chồng chị không sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Nay chị nhận thấy vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên chịyêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

[2.3]. Xét yêu cầu ly hôn của chị A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Đã là vợ chồng, lẽ ra chị A với anh B phải có nghĩa vụ quan tâm, thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, phải cùng có trách nhiệm với nhau trong cuộc sống hôn nhân. Tuy nhiên, anh B không chăm lo cho vun vén tình cảm vợ chồng, không chăm lo cho đời sống vợ con mà thường xuyên đi chơi bời lêu lỏng dẫn đến việc chị A đã có lần gửi đơn ly hôn đến Tòa án nhưng vì muốn cho cơ hội để anh B sửa chữa bản thân nên đã rút yêu cầu khởi kiện, nhưng anh B không những không sửa đổi bản thân mà còn tiếp tục chơi bời, không chăm lo cho gia đình. Từ tháng 11/2018 mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng nên chị A đã dẫn con bỏ đi về nhà cha mẹ chị A ở thôn L, xã N, huyện P sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị A nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm để chung sống hạnh phúc nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh B. Đối với bị đơn anh B nhiều lần Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia giải quyết vụ án nhưng anh B đều vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh bà H, là mẹ ruột của anh B thì được biết anh B hiện nay đăng ký nhân khẩu thường trú và sinh sống cùng với gia đình bà ở thôn M, xã N, huyện P, vợ chồng anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án thì anh B có mặt tại nhà, có nhận được giấy triệu tập của Tòa án nhưng vì lý do gì đó mà anh B không đến Tòa. Việc anh B không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém của anh B nên anh B phải gánh chịu hậu quả pháp lý từ việc không chấp hành sự triệu tập của Tòa án. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định quan hệ hôn nhân giữa chị A với anh B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình – 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

[2.4]. Về con chung:

Chị A với anh B có 01 người con chung tên là C, sinh ngày: 03/10/2014. Hiện tại sức khỏe cháu C phát triển bình thường và đang ở với chị A. Khi ly hôn chị A xin nhận nuôi con. Nghĩa vụ cấp dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét yêu cầu xin nuôi con của chị A, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Việc giao con chưa thành niên cho cha hoặc mẹ trực tiếp nuôi dưỡng phải xuất phát từ việc xem xét hoàn cảnh và điều kiện thực tế của người được trực tiếp nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con để con được phát triển bình thường.Từ khi vợ chồng còn chung sống với nhau anh B không chăm lo cho vợ con, từ tháng 11/2018 mâu thuẫn vợ chồng gay gắt nên chị A đã dẫn con bỏ đi về nhà cha mẹ chị A ở thôn L, xã N, huyện P sinh sống nhưng anh B cũng không thăm hỏi, không cùng chị A chăm sóc con chung nên Hội đồng xét xử giao cháu C, sinh

ngày: 03/10/2014 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5]. Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí DSST: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV, chị A phải chịu án phí ly hôn.

[4]. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Cát phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ý kiến của Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 186, các điều 264, 266, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV.

Tuyên xử:

[1]Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị A về việc yêu cầu ly hôn với anh B.

[1.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A được ly hôn anh B.

[1.2] Về quan hệ con chung: Giao cho chị A được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu C, sinh ngày: 03/10/2014. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

[1.3] Về tài sản chung và nghĩa vụ tài sản chung: Chị A không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2] Án phí DSST:

+ Án phí ly hôn: Chị A phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Tuy nhiên, chị A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004202 ngày 20/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phù Cát, nay được khấu trừ.

[3] Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn 15 ngày được tính kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ hoặc niên yết hợp lệ bản bản.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Bình Định;*
- *VKSND huyện Phù Cát (02b);*
- *Chi cục THA DS huyện Phù Cát;*
- *UBND xã N, huyện P;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đức Minh